

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~6173~~ /CT-KK&KTT  
V/v: Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất,  
tiền thuê đất đợt I/2017

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Đồng nai

Căn cứ công văn số 13849/BTC-TCT ngày 15/10/2007 và công văn số 13833/BTC-NSNN ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính về việc ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Căn cứ công văn 13795/BTC-NSNN ngày 16/10/2013 của Bộ Tài chính, V/v hướng dẫn ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất

Căn cứ Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 13/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 13/1/2017; số 378/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 23/3/2017; số 454/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 5/4/2017; số 522/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 18/4/2017; số 732/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 9/6/2017; của Cục thuế Đồng nai với tổng số tiền bồi thường được khấu trừ vào tiền sử dụng đất: 77.728.238.900 đồng ( trong đó TP Biên hòa: 50.7341.118.752 đồng, Huyện Long thành: 26.994.120.148 đồng)

Căn cứ Thông báo nộp tiền thuê đất số 05/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 6/1/2017; số 37/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 17/1/2017; số 185/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 16/2/2017; số 371/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 20/3/2017; số 388/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 24/3/2017; số 457/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 10/4/2017; số 584/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 24/5/2017; số 589/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 26/5/2017; số 593/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 26/5/2017; số 587/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 26/5/2017; số 591/TB-QLCKTTĐ ngày 26/5/2017 của Cục thuế Đồng nai với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ đất được trừ vào tiền thuế đất: 34.418.755.840 đồng ( trong đó Cục thuế Đồng nai: 32.928.326.840 đồng; Tp biên hòa: 1.490.429.000 đồng)

Cục thuế Đồng nai đề nghị Sở Tài chính thông báo cho các đơn vị thực hiện ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất và tiền thuê đất theo quy định ( theo danh sách đính kèm). *Th*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh: thay/b/c
- Chi cục BH,LT
- Lãnh đạo Cục
- Các phòng THNVDT, QLCKTTĐ.
- Lưu VT, KK&KTT.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Quốc Tri

CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI  
PHÒNG QLCKTTĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 20 tháng 7 năm 2017

V/v Ghi thu, ghi chi số tiền bồi thường,  
hỗ trợ đất được trừ vào tiền sử dụng đất  
và tiền thuê đất Đợt 1 năm 2017.

Kính gửi : - Phòng Kế khai và Kế toán thuế.  
- Phòng Tổng hợp Nghiệp vụ Dự toán.

Căn cứ công văn số 13849/BTC-TCT ngày 15/10/2007; công văn số 13833/BTC-NSNN ngày 29/9/2009 của Bộ Tài chính về việc ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và công văn số 13795/BTC-NSNN ngày 16/10/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Căn cứ công văn số 6094/UBND - KT ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh về việc thực hiện ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước.

Phòng QLCKTTĐ tổng hợp các đơn vị được khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ đất đến ngày 20/7/2017 như sau:

- Tiền sử dụng đất của 04 dự án, số tiền bồi thường, hỗ trợ đất là : 77.728.238.900 đồng.

- Tiền thuê đất của 11 dự án, số tiền bồi thường, hỗ trợ đất là : 34.418.755.840 đồng.

Phòng QLCKTTĐ đề nghị Phòng Kế khai và Kế toán thuế; Phòng Tổng hợp Nghiệp vụ Dự toán lập thủ tục chuyển sang Sở Tài chính ghi thu, ghi chi số tiền sử dụng đất của 04 dự án, số tiền bồi thường, hỗ trợ đất là : 77.728.238.900 đồng; tiền bồi thường, hỗ trợ đất được khấu trừ vào tiền thuê đất của 11 dự án, số tiền bồi thường, hỗ trợ đất là : 34.418.755.840 đồng tính đến ngày 20/7/2017 ./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu : QLCKTTĐ.

PHÒNG QLCKTTĐ

Trưởng phòng



65240211

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC ĐƯỢC KHẤU TRỪ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỢT 1 NĂM 2017  
Tính đến 20/7/2017

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Địa chỉ thửa đất	B nộp tiền	Ngày t.báo	DT dự án	DT phải nộp tiền				Số tiền SDD phải nộp	Miễn ưu đãi	Tiền bồi thường được khấu trừ	Tạm nộp trước	Số còn phải nộp
						Tổng cộng	Đất ở	Đất SXKD	Đất NTND					
I	<b>THÀNH PHỐ BIÊN HÒA</b>				60.219,30	27.769,50	10.369,50	17.400,00	-	55.141.193.680	-	50.734.118.752	-	4.407.074.928
1	Công ty TNHH Đồng Phú	Tam Phước Biên Hòa	378	23/03/2017	17.400,00	17.400,00		17.400,00		3.570.562.080		2.539.341.672		1.031.220.408
2	Công ty cổ phần Phát triển Đô thị công nghiệp số 2	Thông Nhất Biên Hòa	522	18/04/2017	31.701,30	6.394,40	6.394,40			31.294.193.600		31.294.193.600		0
3	Công ty cổ phần Phát triển Hạ Tầng An Hưng Phát	Lung B. Tân Biên Hòa	732	09/06/2017	11.118,00	3.975,10	3.975,10			20.276.438.000		16.900.583.480		3.375.854.520
II	<b>HUYỆN LONG THÀNH</b>				440.891,00	440.891,00	-	-	440.891,00	85.973.745.000	17.194.749.000	26.994.120.148	-	41.784.875.852
1	Công ty TNHH TM và DV Phú Thiện Phát	Tân Hiệp Long Thành	454	05/04/2017	440.891,00	440.891,00			440.891,00	85.973.745.000	17.194.749.000	26.994.120.148		41.784.875.852
					501.110,30	468.660,50	10.369,50	17.400,00	440.891,00	141.114.938.680	17.194.749.000	77.728.238.900	-	46.191.950.780

Đồng Nai, ngày 20 tháng 7 năm 2017

LẬP BIÊN

Võ Ngọc Diệp

Đồng Nai, ngày tháng năm 2017

CỤC TRƯỞNG

CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Quốc Thi

Số: 13 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 13 tháng 1 năm 2017

## THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

### I- PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ vào hồ sơ và phiếu chuyên thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 2445/PC.VPĐK ngày 30/12/2016 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai và văn bản số 136/STC - GCS ngày 11/1/2017 của Sở tài chính . Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo nộp tiền sử dụng đất như sau:

**1. Tên người nộp tiền sử dụng đất:** Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Thiện Phát.

- Mã số thuế (nếu có): 3602 259 157

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD: P43, N10, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại:

Email:

**2. Đại lý thuế hoặc người được ủy quyền (nếu có)**

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

**3. Thửa đất số:**

Thuộc tờ bản đồ số: xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**4. Loại đường/khu vực:**

**5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...):**

**6. Mục đích sử dụng đất:** Đất làm nghĩa trang , nghĩa địa .

**7. Nguồn gốc đất:** Giao đất theo 4187/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**8. Thời hạn giao đất :** Lâu dài

**9. Diện tích đất : 440.891 m<sup>2</sup>**

9.1. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: **440.891 m<sup>2</sup>**

9.1.1 Đất ở:

- Trong hạn mức giao đất ở:

- Ngoài hạn mức giao đất ở:

9.1.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa: **440.891 m<sup>2</sup>**

9.1.3. Trường hợp khác :

9.2. Diện tích không phải nộp tiền:

**10. Hình thức sử dụng đất:** Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

**11. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m<sup>2</sup>):** 195.000 đ/m<sup>2</sup> .Theo Quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 28/1/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**12 . Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất :**

**13. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng theo mức:**

13.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển mục đích:

13.2. Bằng 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

13.3. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

13.4. Bằng 100% tiền sử dụng đất : X

13. 5.Trường hợp khác:

**14. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng): 85.973.745.000 đồng .**

**15. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng ( nếu có) : 26.994.120.148 đồng .**

15.1. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước:

15.2. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ vào TSDĐ: 26.994.120.148 đồng .

**16. Miễn, giảm tiền sử dụng đất:**

16.1 Miễn tiền sử dụng đất :

16.1.1. Lý do miễn:

16.1.2. Thời gian miễn:

16.1.3. Số tiền miễn (đồng):

16.2. Giảm tiền sử dụng đất :

16.2.1. Lý do giảm:

16. 2.2.Số tiền giảm (đồng):

**17. Số tiền sử dụng đất đã nộp:**

**18. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước( đồng ) : 58.979.624.852 đồng.**

(Viết bằng chữ: Năm mươi tám tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi bốn ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng).

**19. Số tiền sử dụng đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp:**

(Viết bằng chữ: )

**20. Địa điểm nộp:** Kho bạc nhà nước huyện Long Thành . TK 71111054312

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiêu mục 1401

**21 Thời hạn nộp tiền:**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp.

Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp còn lại.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người tiền sử dụng đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

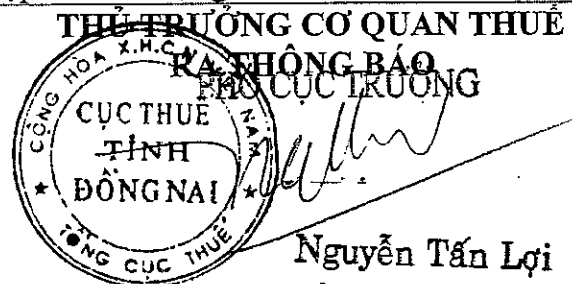
Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp tiền sử dụng đất liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 0613.843.004; địa chỉ: số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai..

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền sử dụng đất biết và thực hiện./

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO  
NỘP TIỀN**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
(nếu có)



**II - PHẦN XỬ LÝ CHẬM NỘP TIỀN SDD (Dành cho cơ quan thu tiền):**

1. Số ngày chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định:

2. Số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất (đồng):

(Viết bằng chữ:

.....ngày ..... tháng.....năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**

Số: 238 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 2 tháng 8 năm 2017

## THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

### I- PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ vào hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 455/PC.VPĐK ngày 16/3/2017 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai. Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo nộp tiền sử dụng đất như sau:

1. Tên người nộp tiền sử dụng đất: Công ty TNHH Đồng Phú.

- Mã số thuế (nếu có): 3600451842

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD: Ấp 1, xã An Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại:

Email:

2. Đại lý thuế hoặc người được ủy quyền (nếu có)

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số:

Thuộc tờ bản đồ số: xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/khu vực:

5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...):

6. Mục đích sử dụng đất: Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

7. Nguồn gốc đất: Giao đất theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 04/2/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai.

8. Thời hạn giao đất : Đến ngày 04/2/2063 .

9. Diện tích đất : 17.400,40 m<sup>2</sup>

9.1. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: 17.400,40 m<sup>2</sup>

9.1.1 Đất ở:

- Trong hạn mức giao đất ở:

- Ngoài hạn mức giao đất ở:

9.1.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa:

9.1.3. Trường hợp khác : 17.400,40 m<sup>2</sup>

9.2. Diện tích không phải nộp tiền:

10. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

11. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m<sup>2</sup>): 205.200 đ/ m<sup>2</sup> .Theo Quyết định số 1441/QĐ - UBND ngày 15/5/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai.

12. Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất :

13. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng theo mức:

13.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển mục đích:

13.2. Bằng 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

13.3. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

13.4. Bằng 100% tiền sử dụng đất : X

13. 5.Trường hợp khác:

15. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng ( nếu có ) : 2.539.341.672 đồng .

15.1. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước:

15.2. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ vào TSDĐ: 2.539.341.672 đồng .

16. Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

16.1 Miễn tiền sử dụng đất :

16.1.1. Lý do miễn:

16.1.2. Thời gian miễn:

16.1.3. Số tiền miễn (đồng):

16.2. Giảm tiền sử dụng đất :

16.2.1. Lý do giảm:

16. 2.2.Số tiền giảm (đồng):

17. Số tiền sử dụng đất đã nộp:

18. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước( đồng ) : 1.031.220.408 đồng.

(Viết bằng chữ Một tỷ, không trăm ba mươi một triệu, hai trăm hai mươi ngàn, bốn trăm không tám đồng).

19. Số tiền sử dụng đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp:

(Viết bằng chữ: )

20. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước thành phố Biên Hòa . TK 71111054280

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiêu mục 1401

21 Thời hạn nộp tiền:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp.

Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp còn lại.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người tiền sử dụng đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

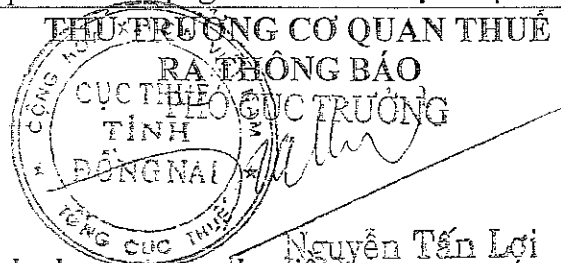
Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp tiền sử dụng đất liên hệ với với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 0613.843.004; địa chỉ: số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai..

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền sử dụng đất biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO  
NỘP TIỀN

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
(nếu có)



Nguyễn Tấn Lợi

## II - PHẦN XỬ LÝ CHẬM NỘP TIỀN SDD (Dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định:

2. Số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất (đồng):

(Viết bằng chữ:

.....ngày ..... tháng.....năm .....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số: 522 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 18 tháng 4 năm 2017

## THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

### I- PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 641/PC.VPĐK ngày 07/4/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai; số liệu xác định của Sở Tài chính về các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất tại văn bản số 1401/STC - GCS ngày 29/3/2017. Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo nộp tiền sử dụng đất như sau:

1. Tên người nộp tiền sử dụng đất: Công ty cổ phần phát triển Đô thị Công nghiệp số 2.

- Mã số thuế (nếu có): 3600 259 560

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD: H 22, đường Võ Thị sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: Email:

2. Đại lý thuế hoặc người được ủy quyền (nếu có)

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số: Thuộc tờ bản đồ số: phường Thống Nhất  
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/khu vực:

5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...):

6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị

7. Nguồn gốc đất: theo Quyết định số 3154/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

8. Thời hạn giao đất ( năm ) Đất ở : 50 năm

9. Diện tích đất : 31.701,30 m<sup>2</sup>

9.1. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: 6.394,40 m<sup>2</sup>

9.1.1 Đất ở: 6.394,40 m<sup>2</sup>

- Trong hạn mức giao đất ở:

- Ngoài hạn mức giao đất ở:

9.1.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa:

9.1.3. Trường hợp khác:

9.2. Diện tích không phải nộp tiền: 25.306,90 m<sup>2</sup>

10. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

11. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m<sup>2</sup>): 4.894.000 đ/m<sup>2</sup>; Theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 10/1/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai.

12. Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất :

13. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng theo mức:

13.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển mục đích:

13.2. Bằng 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

13.3. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

13.4. Bằng 100% tiền sử dụng đất : X

13. 5. Trường hợp khác:

14. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng): 31.294.193.600 đồng.

15. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng ( nếu có ) : 34.102.165.600 đồng.



15.2. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ vào TSDĐ: 31.294.193.600 đồng.

16. Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

16.1 Miễn tiền sử dụng đất :

16.1.1. Lý do miễn:

16.1.2. Thời gian miễn:

16.1.3. Số tiền miễn (đồng):

16.2. Giảm tiền sử dụng đất :

16.2.1. Lý do giảm:

16.2.2. Số tiền giảm (đồng):

17. Số tiền thuê đất hoặc nhận chuyển nhượng QSDĐ đã trả được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp.

18. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước( đồng ) : 0 đồng.

(Viết bằng chữ: Không đồng).

19. Số tiền sử dụng đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp:

(Viết bằng chữ: )

20. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước thành phố Biên Hòa. TK 71111054 274

Nộp theo chương .... loại ..... khoản..... mục..... Tiêu mục 1402

21 Thời hạn nộp tiền:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp.

Trong vòng 60 ngày tiếp theo, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp còn lại.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người tiền sử dụng đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp tiền sử dụng đất liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 0613.843.004; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai. ( Hoặc Chi cục thuế thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ) .

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền sử dụng đất biết và thực hiện.

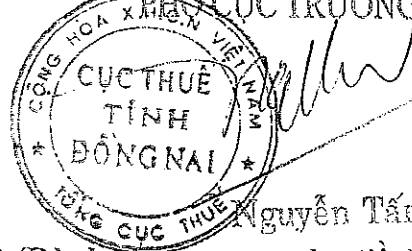
**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO  
NỘP TIỀN**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
(nếu có)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**

**RA THÔNG BÁO**



Nguyễn Tấn Lợi

**II - PHẢN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN SDD (Dành cho cơ quan thu tiền):**

1. Số ngày chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định:

2. Số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất (đồng):

(Viết bằng chữ:

.....ngày ..... tháng.....năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số: 732 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 07 tháng 6 năm 2017

## THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

### I- PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 514/PC-VPĐK ngày 20/3/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai; số liệu xác định của Sở Tài chính về các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất tại văn bản số 2055/STC - GCS ngày 03/5/2017. Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo nộp tiền sử dụng đất như sau:

**1. Tên người nộp tiền sử dụng đất:** Công ty CP Phát triển hạ tầng An Hưng Phát.

- Mã số thuế (nếu có): 3602 244 418.

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD: Số 12/1, tổ 16, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại:

Email:

**2. Đại lý thuế hoặc người được ủy quyền (nếu có)**

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

**3. Thửa đất số:**

Thuộc tờ bản đồ số: phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**4. Loại đường/khu vực:**

**5. Vị trí thửa đất :** 1 Quốc lộ 51, Đoạn từ cầu Đen đến đường Võ Nguyên Giáp.

**6. Mục đích sử dụng đất:** Đất ở tại đô thị

**7. Nguồn gốc đất:** Nhà nước giao đất theo Quyết định số 4437/QĐ-UBND ngày 26/12 /2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**8. Thời hạn giao đất ( năm )** 50 năm , người mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất được sử dụng ổn định lâu dài,

**9. Diện tích đất : 11.118 m<sup>2</sup>**

9.1. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: **3.975,10 m<sup>2</sup>**

9.1.1 Đất ở: **3.975,10 m<sup>2</sup>**

- Trong hạn mức giao đất ở:

- Ngoài hạn mức giao đất ở:

9.1.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa:

9.1.3. Trường hợp khác: **659,80 m<sup>2</sup>** ( Trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê )

9.2. Diện tích không phải nộp tiền: **6.483,10 m<sup>2</sup>**

**10. Hình thức sử dụng đất:** Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

**11. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m<sup>2</sup>):** Theo Quyết định số 64QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai .

- Từ mét thứ 25 đến mét thứ 50 :  $9.100.000 \text{ đ/m}^2 \times 80\% = 7.280.000 \text{ đ/m}^2$

- Từ mét thứ 50 đến mét thứ 100 :  $9.100.000 \text{ đ/m}^2 \times 50\% = 4.550.000 \text{ đ/m}^2$

**12. Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất :**

**13. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng theo mức:**

13.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển mục đích:

13.2. Bằng 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

13.3. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

13.4. Bằng 100% tiền sử dụng đất : X

13. 5.Trường hợp khác:

14. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng): 20.276.438.000 đồng.

15. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng ( nếu có ) : 16.900.583.480 đồng.

15.1. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước:

15.2. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ vào TSDD: (Tạm tính )16.900.583.480 đồng.

16. Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

16.1 Miễn tiền sử dụng đất :

16.1.1. Lý do miễn:

16.1.2. Thời gian miễn:

16.1.3. Số tiền miễn (đồng):

16.2. Giảm tiền sử dụng đất :

16.2.1. Lý do giảm:

16. 2.2.Số tiền giảm (đồng):

17. Số tiền thuê đất hoặc nhận chuyển nhượng QSDĐ đã trả được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp.

18. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước( đồng ) : 3.375.854.520 đồng.

(Viết bằng chữ: Ba tỷ, ba trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi bốn ngàn, năm trăm hai mươi đồng).

19. Số tiền sử dụng đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp:

(Viết bằng chữ: )

20. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước thành phố Biên Hòa. TK 71111054 280

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiêu mục 1402

21 Thời hạn nộp tiền:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp.

Trong vòng 60 ngày tiếp theo, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp còn lại.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người tiền sử dụng đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp tiền sử dụng đất liên hệ với với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 0613.843.004; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai. ( Hoặc Chi cục thuế thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ) .

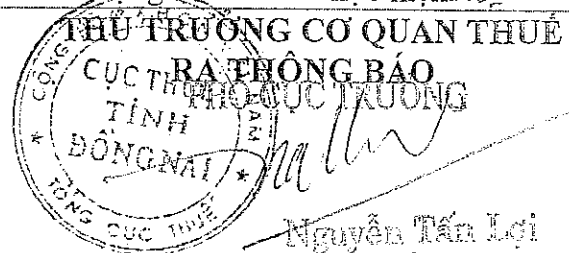
Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền sử dụng đất biết và thực hiện./

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO**

**NỘP TIỀN**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
(nếu có)



Nguyễn Tấn Lợi

**II - PHẦN XỬ LÝ PHÁT CHẬM NỘP TIỀN SDD (Dành cho cơ quan thu tiền):**

1. Số ngày chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định:

2. Số tiền chậm nộp tiền sử dụng đất (đồng):

(Viết bằng chữ:

.....ngày ..... tháng.....năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số: 454 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 05 tháng 4 năm 2017

**THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
(Thay thế thông báo số 13/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 13/1/2017)

**I- PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:**

Căn cứ vào hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 2445/PC.VPDK ngày 30/12/2016 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai ; văn bản số 136/STC - GCS ngày 11/1/2017 của Sở Tài chính và văn bản đề nghị giảm tiền sử dụng đất ngày 23/3/2017 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phú Thiên Phát Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo nộp tiền sử dụng đất như sau:

**1. Tên người nộp tiền sử dụng đất: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Thiên Phát.**

- Mã số thuế (nếu có): 3602 259 157

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD: P43, N10, đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: Email:

**2. Đại lý thuế hoặc người được ủy quyền (nếu có)**

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

**3. Thửa đất số:** Thuộc tờ bản đồ số: xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**4. Loại đường/khu vực:**

**5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...):**

**6. Mục đích sử dụng đất:** Đất làm nghĩa trang , nghĩa địa .

**7. Nguồn gốc đất:** Giao đất theo 4187/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**8. Thời hạn giao đất :** Lâu dài

**9. Diện tích đất : 440.891 m<sup>2</sup>**

**9.1. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: 440.891 m<sup>2</sup>**

**9.1.1 Đất ở:**

- Trong hạn mức giao đất ở:

- Ngoài hạn mức giao đất ở:

**9.1.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 440.891 m<sup>2</sup>**

**9.1.3. Trường hợp khác :**

**9.2. Diện tích không phải nộp tiền:**

**10. Hình thức sử dụng đất:** Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

**11. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m<sup>2</sup>):** 195.000 đ/m<sup>2</sup> .Theo Quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 28/1/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

**12 . Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất :**

**13. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng theo mức:**

**13.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất khi chuyển mục đích:**

**13.2. Bằng 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:**

13.3. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất:

13.4. Bằng 100% tiền sử dụng đất : X

13.5. Trường hợp khác:

**14. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng): 85.973.745.000 đồng .**

**15. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng ( nếu có ) : 26.994.120.148 đồng .**

15.1. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước:

15.2. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được trừ vào TSDĐ: 26.994.120.148 đồng .

**16. Miễn, giảm tiền sử dụng đất: 17.194.749.000 đồng .**

16.1 Miễn tiền sử dụng đất :

16.1.1. Lý do miễn:

16.1.2. Thời gian miễn:

16.1.3. Số tiền miễn (đồng):

16.2. Giảm tiền sử dụng đất :

16.2.1. Lý do giảm: Theo quy định tại Điểm d, Khoản 3, Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính (được bổ sung tại Điều 3 Thông tư số 332/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất )

16.2.2. Số tiền giảm (đồng): 17.194.749.000 đồng .

**17. Số tiền sử dụng đất đã nộp:**

**18. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước( đồng ) : 41.784.875.852 đồng.**

(Viết bằng chữ: Bốn mươi một tỷ, bảy trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng).

**19. Số tiền sử dụng đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng và được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp:**

(Viết bằng chữ: )

**20. Địa điểm nộp:** Kho bạc nhà nước huyện Long Thành . TK 71111054312

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiêu mục 1401

**21 Thời hạn nộp tiền:**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo này, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp.

Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người nộp tiền sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất phải nộp còn lại.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người tiền sử dụng đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp tiền sử dụng đất liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 0613.843.004; địa chỉ: số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai..

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền sử dụng đất biết và thực hiện./

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO  
NỘP TIỀN**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  
(nếu có)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**

**RA THÔNG BÁO**



**DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC ĐƯỢC KHẤU TRỪ TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT VÀO TIỀN THUẾ ĐẤT ĐỢT 1 NĂM 2017**  
**Tính đến ngày 20/7/2017**

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Địa chỉ thửa đất	TB nộp tiền	Ngày báo	DT dự án	Số tiền thuế đất phải nộp	Tổng Số tiền thuế đất phải nộp	Tiền bồi thường được khấu trừ	Số tiền Miễn giảm	Số tiền đã nộp	Số tiền còn phải nộp	Ghi chú	
	<b>Cục thuế Tỉnh Đồng Nai</b>						<b>87.974.257.703</b>	<b>32.928.326.840</b>	<b>13.962.275.389</b>	<b>24.362.000</b>	<b>41.059.293.474</b>		
1	Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	An Phước Long Thành	5	06/01/2017	77.321,20		3.222.478.589	3.222.478.589			-		
2	Công ty TNHH Thương mại VIC	Tam Phước Biên Hòa	37	17/01/2017	18.271,50		4.912.132.900	28.860.300		24.362.000	4.858.910.600		
3	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại	Tam An Long Thành	371	20/03/2017	24.830,90		3.489.362.223	764.876.181	2.079.197.973		645.288.069		
4	Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng Giao thông	Phước Khánh Nhơn	457	10/04/2017	188.509,30		33.931.674.000	2.907.006.000	3.450.678.712		27.573.989.288		
5	Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	An Phước Long Thành	589	26/05/2017	443.599,00		19.231.658.552	12.778.073.402	3.671.761.852		2.781.823.298		
6	Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	An Phước Long Thành	593	26/05/2017	574.180,80		10.327.743.658	8.207.341.972	2.120.401.686		-		
7	Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	An Phước Long Thành	587	26/05/2017	89.266,30		3.475.043.380	1.432.709.850	673.303.300		1.369.030.230		
8	Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	An Phước Long Thành	591	26/05/2017	77.321,30		1.733.609.737	1.325.515.474	408.094.263		-		
9	Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	An Phước Long Thành	584	26/05/2017	594.600,90		7.650.554.664	2.261.465.072	1.558.837.603		3.830.251.989		
	<b>Thành phố Biên Hòa</b>						<b>2.136.735.680</b>	<b>1.490.429.000</b>	<b>518.400.000</b>	<b>127.906.680</b>	-		
10	Trường Mầm non Tư thực Thảo Hoa	An Bình Biên Hòa	185	16/02/2017	1.500,00		1.440.000.000	921.600.000	518.400.000		-		
11	Công ty TNHH MTV Hoàn Vũ	Tam Phước Biên Hòa	388	20/03/2017	7.311,60		696.735.680	568.829.000		127.906.680	-		
							<b>2.096.712,80</b>	<b>90.110.993.383</b>	<b>34.418.755.840</b>	<b>14.480.675.389</b>	<b>152.268.680</b>	<b>41.059.293.474</b>	

Đồng Nai, ngày 20 tháng 7 năm 2017

Đồng Nai, ngày tháng năm 2017

LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

PHỤ CỤC TRƯỞNG

  
Võ Ngọc Diệp



Nguyễn Quốc Trị

Số: 05 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai , ngày 06 tháng 01 năm 2017

## THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyên thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 2111/PC.VPDK ngày 23/11/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Công ty cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa.**

Mã số thuế: 3600283394

Địa chỉ gửi thông báo: **Số 96, đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.**

Số điện thoại:

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: **Tờ bản đồ số: tại xã An Phước , huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.**

4. Loại đường/ khu vực:

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: **Đất Khu Công Nghiệp .**

7. Nguồn gốc đất : Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa thuê đất ( Đợt 6) để sử dụng vào mục đích xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp An Phước tại xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai ; Hợp đồng thuê đất số 101/HĐTĐ ngày 11/11/2016.

8. Thời hạn thuê (năm): Đến ngày 04/9/2062

9. Diện tích thuê : **77.321,20 m<sup>2</sup> .**

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: **77.321,20 m<sup>2</sup>.**

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất:

10. Hình thức thuê đất : **Trả tiền thuê đất hàng năm X**

11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: **1.687,50 đ/ m<sup>2</sup>.**

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê:

12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất: **0,75%**

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp từ ngày 28/9/2016 đến ngày 31/12/2016: **32.619.881 đ.**

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê:

14. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng : Theo văn bản số 5592/STC-GCS ngày 30/11/2016 xác định số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng là 14.797.995.409 đồng . Số tiền bồi thường được phân bổ vào diện tích phải nộp tiền thuê đất : 10.466.893.006 đồng

15. Miễn, giảm tiền thuê đất:

15.1 Miễn tiền thuê đất:

15.1.1 Lý do miễn, giảm:

- Miễn tiền thuê đất theo quy định Điểm k, Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với diện tích : 22.630,50 m<sup>2</sup>;

- Miễn tiền thuê đất theo quy định Điểm c, Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với diện tích : 54.690,70 m<sup>2</sup>.

15.1.2 Thời gian miễn:

15.1.3 Số tiền thuê đất được miễn từ ngày 28/9/2016 đến ngày 28/9/2027 đối với diện tích 54.690,70 m<sup>2</sup> là: 1.015.196.119 đ. Từ ngày 28/9/2016 đến ngày 04/9/2062 đối với diện tích 22.63330,50 m<sup>2</sup> là: 1.753.510.148 đ.

15.2 Giảm tiền thuê đất

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng). **0 đồng**

16.1 Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

16.2 Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp được giảm một phần tiền thuê đất

16.2.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: **0 đồng**

(Viết bằng chữ: Không đồng)

16.2.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: Số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được quy đổi theo số năm hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất từ ngày 28/9/2027 đến 04/9/2062 là 34 năm 11 tháng ( 3.222.478.589 đồng) theo quy định tại Khoản 2, Điều 13; Điểm c, Khoản 1, Điều 23 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. Số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng là 7.244.414.417 đồng chưa được khấu trừ vào tiền thuê đất được tính vào vốn đầu tư của dự án.

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: )

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai. TK . 71111054274

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiểu mục 3601

19. Thời hạn nộp tiền:

Quá thời hạn nêu trên mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./s

**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày 09 tháng 01 năm 2016  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phan Thị Kiều Chinh

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**



Nguyễn Tấn Lợi

**II/ PHẦN XỬ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT (Cơ quan thu tiền thực hiện):**

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng): .....

(Bằng chữ:.....)

Ngày tháng năm 2016

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**



Số: 33/TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày 11 tháng 1 năm 2017

## THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT

(Điều chỉnh Thông báo số 03/TB-CT- QLCKTTĐ ngày 05/01/2017)

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ vào hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 2271/PC-VPĐK ngày 12/12/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ; Công văn số 112/STC-GCS ngày 11/1/2017 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Công ty TNHH Thương mại VIC.**  
Mã số thuế: 0200 358 184.  
Địa chỉ gửi thông báo: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.  
Số điện thoại:  
Ngành nghề kinh doanh:
2. Đại lý thuế
3. Thửa đất số: 83 .Tờ bản đồ số: 53 tại xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
5. Vị trí (1,2,3,4...):
6. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất cụm công nghiệp .
7. Nguồn gốc đất : Nhà nước cho thuê đất Theo Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh hình thức sử dụng đất ghi tại Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 14/5/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai. Hợp đồng thuê đất số 55/HĐTĐ ngày 08/7/2008, Phụ lục hợp đồng thuê đất số 55/PLHĐTĐ 1 ngày 30/11/2016
8. Thời hạn thuê (năm) : Đến ngày 14/5/2058.
9. Diện tích thuê : **18.271,50 m<sup>2</sup>**
  - 9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: **18.271,50 m<sup>2</sup>**.
  - 9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất:
10. Hình thức thuê đất:
  - 10.1. Nộp tiền thuê đất hàng năm :
  - 10.2. Nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê :
11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:
  - 11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 3.105 đ/m2/ năm.
  - 11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê: 258.232,50 đ/m2
- 12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:
- 13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp Từ ngày 15/5/2013 đến ngày 14/5/2058 là:  
**4.912.132.900đ.**
  - 13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:
  - 13.2 Số tiền thuê đất phải nộp hàng năm Từ ngày 15/5/2013 đến ngày 18/9/2016:  
193.837.776 đ.

13.3 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê Từ ngày 19/9/2016 đến ngày 14/5/2058 là: **4.718.295.124 đ**

14. Tiền bồi thường được khấu trừ vào thuê đất : **28.860.300 đ**. ( Công văn số 112/STC-GCS ngày 11/1/2017 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai).

15. Tiền thuê đất đã nộp : **24.362.000 đ**

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước từ ngày Từ ngày 15/5/2013 đến ngày 14/5/2058 là: **4.858.910.599 đ**.

16.1 Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm Từ ngày 15/5/2013 đến ngày 14/5/2058 là: **4.858.910.599 đ**.

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm Từ ngày 15/5/2013 đến ngày 18/9/2016: **140.615.476 đ**.

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê Từ ngày 19/9/2016 đến ngày 14/5/2058 : **4.718.295.124 đ** .

(Viết bằng chữ: **Bốn tỷ, tám trăm năm mươi tám triệu, chín trăm mười ngàn, năm trăm chín mươi chín đồng**)

16.2 Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp được giảm một phần tiền thuê đất

16.2.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

16.2.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: **đồng**)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: **Không đồng**)

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai. TK . 71111 054274

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiểu mục 3601

19. Thời hạn nộp tiền:

19.2 Số tiền thuê đất hàng năm : **140.615.476 đ**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo tiền thuê đất

19.2 Số tiền thuê đất một lần : **4.718.295.124 đ**.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo tiền thuê đất, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo thông báo .

Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người thuê đất phải nộp đủ tiền thuê đất còn lại theo thông báo.

Quá thời hạn nêu trên mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

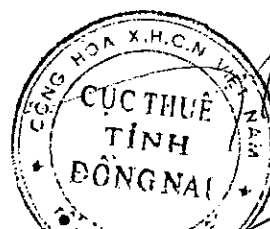
Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./.

**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm 2017  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày 03 tháng Năm 2017

**THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT**

**I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:**

Căn cứ vào hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 2271/PC-VPĐK ngày 12/12/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Công ty TNHH Thương mại VIC.**  
Mã số thuế: 0200 358 184.  
Địa chỉ gửi thông báo: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.  
Số điện thoại:  
Ngành nghề kinh doanh:
2. Đại lý thuế
3. Thửa đất số: 83 .Tờ bản đồ số: 53 tại xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
5. Vị trí (1,2,3,4...):
6. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất cụm công nghiệp
7. Nguồn gốc đất : Nhà nước cho thuê đất Theo Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh hình thức sử dụng đất ghi tại Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 14/5/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai. Hợp đồng thuê đất số 55/HĐTĐ ngày 08/7/2008, Phụ lục hợp đồng thuê đất số 55/PLHĐTĐ 1 ngày 30/11/2016
8. Thời hạn thuê (năm) : Đến ngày 14/5/2058.
9. Diện tích thuê : **18.271,50 m<sup>2</sup>**
  - 9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: **18.271,50 m<sup>2</sup>**.
  - 9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất:
10. Hình thức thuê đất:
  - 10.1. Nộp tiền thuê đất hàng năm :
  - 10.2. Nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê :
11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:
  - 11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 3.105 đ/m<sup>2</sup>/ năm.
  - 11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê: 258.232,50 đ/m<sup>2</sup>
- 12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:
- 13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp Từ ngày 15/5/2013 đến ngày 14/5/2058 là: **4.912.132.900đ.**
  - 13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:
  - 13.2 Số tiền thuê đất phải nộp hàng năm Từ ngày 15/5/2013 đến ngày 18/9/2016: 193.837.776 đ.
  - 13.3 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê Từ ngày 19/9/2016 đến ngày 14/5/2058 là: **4.718.295.124 đ**
14. Tiền thuê đất đã nộp : **24.362.000 đ.**
15. Miễn, giảm tiền thuê đất:
  - 15.1 Miễn tiền thuê đất:
    - 15.1.1 Lý do miễn, giảm:

15.1.2 Thời gian miễn:

15.1.3 Số tiền miễn :

15.2 Giảm tiền thuê đất

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước từ ngày Từ ngày 15/5/2013 đến ngày 14/5/2058 là: **4.887.770.900 đ.**

16.1 Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm Từ ngày 15/5/2013 đến ngày 14/5/2058 là: **4.887.770.900 đ.**

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm Từ ngày 15/5/2013 đến ngày 18/9/2016: 169.475.776 đ.

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê Từ ngày 19/9/2016 đến ngày 14/5/2058 : **4.718.295.124 .**

(Viết bằng chữ: **Bốn tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn, chín trăm đồng**)

16.2 Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp được giảm một phần tiền thuê đất

16.2.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

16.2.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: **đồng**)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: **Không đồng**)

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai. TK . 71111 054274

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiêu mục 3601

19. Thời hạn nộp tiền:

19.1 Số tiền thuê đất hàng năm : **193.837.776 đ**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo tiền thuê đất

19.2 Số tiền thuê đất một lần : **4.718.295.124 đ.**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo tiền thuê đất, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo thông báo .

Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người thuê đất phải nộp đủ tiền thuê đất còn lại theo thông báo.

Quá thời hạn nêu trên mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

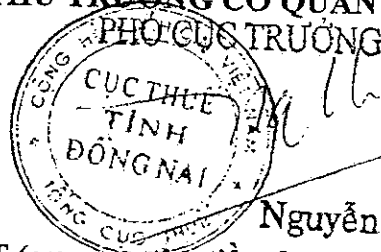
Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./

**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm 2016

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**



Nguyễn Tấn Lợi

**I/ PHẦN XỬ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT (cơ quan thu tiền thực hiện):**

Số: 371/TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày 2 tháng 3 năm 2017

## THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT

(Thay thế thông báo số 88/TB-CT-QLCKTTĐ ngày 25/1/2017)

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 2377/PC.VPĐK ngày 20/12/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai, Văn bản đề nghị miễn tiền thuê đất số 09/TL ngày 20/2/2017 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trường Lâm Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Trường Lâm.**

Mã số thuế: 0301743390

Địa chỉ gửi thông báo: Số 718 C, đường Hùng Vương, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại:

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: **Tờ bản đồ số:** tại xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/ khu vực:

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất Cụm Công Nghiệp .

7. Nguồn gốc đất Theo Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Trường Lâm thuê đất để đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

8. Thời hạn thuê (năm): Đến ngày 19/9/2058

9. Diện tích thuê : **24.830,90 m<sup>2</sup>** .

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: **24.830,90 m<sup>2</sup>** .

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất:

10. Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê đất hàng năm

11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê: 140.525 đ/ m<sup>2</sup>.

12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp từ ngày 29/2/2016 đến ngày 19/9/2058 là: 3.489.362.223 đ.

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê:

14. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng : Theo văn bản số 5833/STC-GCS ngày 09/12/2016 xác định số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng là 1.403.737.174 đồng . Số tiền bồi thường được phân bổ vào diện tích phải tiền thuê đất : 764.876.181 đồng .

15. Miễn, giảm tiền thuê đất:

15.1 Miễn tiền thuê đất:

15.1.1 Lý do miễn, giảm:

- Miễn tiền thuê đất theo quy định Điểm k, Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với diện tích : 11.300,90 m<sup>2</sup>;

- Miễn tiền thuê đất theo quy định Khoản 10, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ( được bổ sung tại Khoản 6, Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với diện tích : 13.530 m<sup>2</sup> ;

15.1.2 Thời gian miễn:

15.1.3 Số tiền thuê đất được miễn là: **2.079.197.973 đồng**

15.2 Giảm tiền thuê đất

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng). **645.288.069 đồng**

16.1 Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: **645.288.069 đồng**

16.2 Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp được giảm một phần tiền thuê đất

16.2.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

(Viết bằng chữ: Không đồng)

16.2.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: **645.288.069 đồng**

Viết bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, không trăm sáu mươi chín đồng)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: )

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai. TK . 71111054274

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiểu mục 3601

19. Thời hạn nộp tiền:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo tiền thuê đất, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo thông báo .

Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người thuê đất phải nộp đủ tiền thuê đất còn lại theo thông báo.

Quá thời hạn nêu trên mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./.

**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm 2017

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Số: 88 /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày 2 tháng 1 năm 2017

## THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 2377/PC.VPĐK ngày 20/12/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Trường Lâm.**

Mã số thuế: 0301743390

Địa chỉ gửi thông báo: Số 718 C, đường Hùng Vương, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại:

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: **Tờ bản đồ số:** tại xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/ khu vực:

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất Cụm Công Nghiệp .

7. Nguồn gốc đất : Theo Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai .Hợp đồng thuê đất số 102a/HĐTD ngày 11/11/2016;

8. Thời hạn thuê (năm): Đến ngày 19/9/2058

9. Diện tích thuê : **24.830,90 m<sup>2</sup>** .

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: **24.830,90 m<sup>2</sup>**.

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất:

10. Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê đất hàng năm

11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê: 140.525 đ/ m<sup>2</sup>.

12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp từ ngày 29/2/2016 đến ngày 19/9/2058 là: 3.489.362.233 đ.

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê:

14. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng : Theo văn bản số 5833/STC-GCS ngày 09/12/2016 xác định số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng là 1.403.737.174 đồng . Số tiền bồi thường được phân bổ vào diện tích phải tiền thuê đất : 764.876.181 đồng .

15. Miễn, giảm tiền thuê đất:

15.1 Miễn tiền thuê đất:

15.1.1 Lý do miễn, giảm:

- Miễn tiền thuê đất theo quy định Điểm k, Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với diện tích : 11.300,90 m<sup>2</sup>;

- Miễn tiền thuê đất theo quy định Điểm a, Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với diện tích : 13.530 m<sup>2</sup>;

15.1.2 Thời gian miễn:

15.1.3 Số tiền thuê đất được miễn là: **1.722.005.973 đồng**

15.2 Giảm tiền thuê đất

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng). **1.002.480.069 đồng**

16.1 Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: **1.002.480.069 đồng**

16.2 Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp được giảm một phần tiền thuê đất

16.2.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

(Viết bằng chữ: Không đồng)

16.2.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: **1.002.480.069 đồng**

Viết bằng chữ: Một tỷ, không trăm không hai triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, không trăm sáu mươi chín đồng)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: )

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai. TK . 71111054274

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiểu mục 3601

19. Thời hạn nộp tiền:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo tiền thuê đất, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo thông báo .

Trong thời hạn 60 ngày tiếp theo, người thuê đất phải nộp đủ tiền thuê đất còn lại theo thông báo.

Quá thời hạn nêu trên mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện. /s/

**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**

Ngày tháng năm 2017

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**PHÓ CỤC TRƯỞNG**





Số: 388/TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày 24 tháng 3 năm 2017

## THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị khấu trừ tiền bồi thường, hỗ trợ đất vào tiền thuê đất ngày 06/3/2017 của Công ty TNHH MTV Hoàn Vũ và văn bản số 263/STC-GCS ngày 18/1 2017 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : Công ty TNHH MTV Hoàn Vũ.

Mã số thuế (nếu có): 3600 899673.

Địa chỉ gửi thông báo: Ấp Long Khánh 3, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Số điện thoại:

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: .Tờ bản đồ số: tại xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/ khu vực: .

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất SXKD phi nông nghiệp ( Xưởng sản xuất bao bì nhựa) .

7. Nguồn gốc đất : 7.311,60 m<sup>2</sup>. Nhà nước cho thuê đất theo Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 07/4/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai. Hợp đồng thuê đất số 24/HĐTĐ ngày 18/5/2011.

8. Thời hạn thuê (năm): đến ngày 07/4/2061.

9. Diện tích thuê : 7.311,60 m<sup>2</sup> .

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: 7.311,60 m<sup>2</sup>.

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất:

10. Hình thức thuê đất:

10.1. Nộp tiền thuê đất hàng năm :

10.2. Nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê :

11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê: 6.600 đ/ m<sup>2</sup>.

12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp Từ ngày 07/4/2011 đến ngày 31/12/2017: 325.731.780 đ.

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất: 48.256.560 đ.

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp là: Từ ngày 07/4/2011 đến ngày 31/12/2017: 325.731.780 đ.

13.3 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê

14. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng: 568.829.000 đ

15. Tiền thuê đất đã nộp: 127.906.680 đ.

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước Từ ngày 07/4/2011 đến ngày 31/12/2017 : 0 đ.

16.1 Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê

(Viết bằng chữ: Không đồng)

16.2 Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp được giảm một phần tiền thuê đất

16.2.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

16.2.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: **đồng**)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

Số tiền bồi thường, hỗ trợ đất được khấu trừ vào tiền thuê đất : 568.829.000 đồng (văn bản số 263/STC-GCS ngày 18/1 2017 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai) được quy đổi ra số năm, tháng hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất là ngày 31/8/2025 theo quy định tại Khoản 8 Điều 17 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính. ( được bổ sung tại Điều 8 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính )

Số tiền thuê đất phải nộp đến 31/8/2025 là : Không đồng .

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: **Không đồng**)

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước thành phố Biên Hòa

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiểu mục 3601

19. Thời hạn nộp tiền:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo tiền thuê đất.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo mức quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./.

**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm 2017  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Tấn Lợi

**I/ PHẦN XỬ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT (cơ quan thu tiền thực hiện):**

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng): .....

(Bằng chữ:.....)

Ngày tháng năm 2017

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**

Số: 457/TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng Nai, ngày 10 tháng 4 năm 2017

**THÔNG BÁO**  
Về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước

**I- PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:**

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 424/PC-VPĐK ngày 09/3/2017 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai để xác định nghĩa vụ tài chính đối với Hợp đồng thuê đất số 114/HĐTD ngày 28/12/2016 tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ Phần Cơ Khí Giao Thông. Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định và thông báo như sau:

**1. Tên người nộp tiền thuê đất: Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xây Dựng Giao Thông**

- Mã số thuế (nếu có): 0300477989

- Địa chỉ gửi thông báo: 429/4 Song Hành, Xa Lộ Hà Nội, KP 7, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, Tp.HCM

- Điện thoại:

Email:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất xe ô tô

**2. Đại lý thuế (nếu có)**

- Mã số thuế:

**3. Thửa đất số:**

**Thuộc tờ bản đồ số:**

**4. Loại đường/khu vực:** Xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...):** 3

**6. Mục đích sử dụng đất:** Đất để xây dựng Nhà máy sản xuất kinh doanh

**7. Nguồn gốc đất:** Nhà nước cho thuê đất theo Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai, hợp đồng thuê đất số 114/HĐTD ngày 28/12/2016.

**8. Thời hạn thuê đất ( 50 năm ): đến ngày 28/5/2064**

**9. Diện tích đất thuê: 188.509,3m<sup>2</sup>**

9.1. Diện tích phải nộp tiền thuê đất: 188.509,3m<sup>2</sup>

9.2. Diện tích không phải nộp tiền thuê đất:

**10. Hình thức thuê đất:** Trả tiền thuê đất 01 lần

**11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:**

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm (đồng/m<sup>2</sup>/năm):

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền một lần (đồng/m<sup>2</sup>): 180.000đ/m<sup>2</sup>

**12. Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:**

**13. Tổng số tiền thuê đất phải nộp: 33.931.674.000đ**

13.1 Tiền thuê đất phải nộp hàng năm:

13.2 Tiền thuê đất phải nộp 01 lần: 33.931.674.000đ tính từ 13/4/2015 đến 28/5/2064

**14. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng: 2.907.006.000đ** (theo văn bản số 451/STC-GCS ngày 08/2/2017 của Sở tài chính tỉnh Đồng Nai).

14.1 Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả cho ngân sách nhà nước:

14.2 Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng ứng trước được trừ vào tiền thuê đất: 2.907.006.000đ

**15. Miễn, giảm tiền thuê đất: 3.450.678.712đ**

15.1. Miễn tiền thuê đất.

15.1.1. Lý do miễn: Miễn trong thời gian xây dựng cơ bản và miễn theo chính sách ưu đãi.

15.1.2. Thời gian miễn: Miễn trong thời gian xây dựng cơ bản tính từ 13/4/2015 đến

31/3/2017; miễn theo chính sách ưu đãi từ 01/4/2017 đến 31/3/2020.

15.1.3. Số tiền miễn (đồng): 3.450.678.712đ

15.2. Giảm tiền thuê đất.

15.2.1. Lý do giảm: /

15.2.2. Số tiền giảm (đồng): /

**16. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước( đồng ) : 27.573.989.288 đồng**

16.1. Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm.

16.1.1. Trường hợp trả tiền thuê đất hàng năm:

16.1.2. Trường hợp trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê:

16.2. Số tiền còn phải nộp trong trường hợp được miễn toàn bộ tiền thuê đất:

16.3. Số tiền còn phải nộp trong trường hợp được giảm 1 phần tiền thuê đất:

16.3.1. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

16.3.2. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian

thuê:27.573.989.288 đồng

(Viết bằng chữ: Hai mươi bảy tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu chín trăm tám mươi chín ngàn hai trăm tám mươi tám đồng).

**17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:**

17.1. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

17.2. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ:)

**18. Địa điểm nộp:** Kho bạc tỉnh Đồng Nai (TM 3601). Số Tài khoản: 71111054274

**19. Thời hạn nộp tiền:**

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo tiền thuê đất, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo Thông báo, trong thời hạn 60 ngày tiếp theo người thuê đất phải nộp đủ số tiền thuê đất còn lại theo Thông báo.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo mức quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại 0613.843.004; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp tiền thuê đất biết và thực hiện./

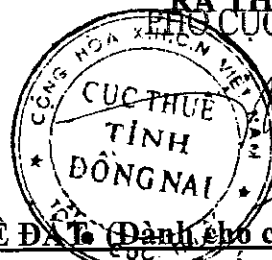
**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày ..... tháng ..... năm 2017.

Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu (nếu có)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**

**RA THÔNG BÁO**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Tấn Lợi

**II - PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT (Dành cho cơ quan thu tiền):**

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất so với ngày thông báo của cơ quan thuế:

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng):

.....ngày ..... tháng.....năm 2017

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**

Số: **574**/TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày **26** tháng **5** năm 2017

## Thông báo nộp tiền thuê đất

(Điều chỉnh Thông báo số 350/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 06/5/2016)

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 401/PC-VPĐK ngày 04/3/2017 và Phiếu chuyển số 639/PC.VPĐK ngày 07/4/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai V/v chuyển hình thức nộp tiền thuê đất của Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Công ty cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa.**

Mã số thuế: 3600283394

Địa chỉ gửi thông báo: Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: **Tờ bản đồ số:** tại **xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.**

4. Loại đường/ khu vực:

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: **Đất Khu Công Nghiệp .**

7. Nguồn gốc đất : Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho Cty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa thuê đất Quyết định 4094/QĐ-CT ngày 02/12/2016 và Quyết định 95/QĐ-CT ngày 09/01/2017 V/v cho Công ty điều chỉnh hình thức thuê đất.

8. Thời hạn thuê (năm): Đến ngày 04/9/2062

9. Diện tích thuê : **594.600,9 m<sup>2</sup> .**

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: **594.600,9 m<sup>2</sup> .**

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất: /

10. Hình thức thuê đất :

10.1 Trả tiền thuê đất hàng năm:  $459.993,9 \text{ m}^2 - 428.593,2 \text{ m}^2 - 421.976,1 \text{ m}^2$

10.2 Trả tiền thuê đất 01 lần: chuyển lần 1:  $31.400,7 \text{ m}^2$ , chuyển lần 2:  $6.617,1 \text{ m}^2 = 38.017,8 \text{ m}^2$

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 1.687,5đ

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê: 201.300đ – 200.933đ

12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất: /

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp: **28.060.507.066đ**

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất: /

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp trả tiền hàng năm: **19.051.259.442đ**

- Đất kinh doanh: Tính từ 18/11/2014 đến 19/3/2026: 8.204.879.770đ

- Đất hạ tầng KCN: Tính từ 17/4/2015 đến 04/9/2062: 10.846.379.672đ

13.3 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê: **7.650.554.664đ**

14. Tiền bồi thường, hỗ trợ được khấu trừ: 27.371.016.000đ (Theo VB số 105/STC-GCS)

- khấu trừ vào tiền thuê đất trả tiền 01 lần: 2.261.465.072đ.

15. Miễn, giảm tiền thuê đất:

15.1 Miễn tiền thuê đất: **20.610.097.045đ**

15.1.1 Lý do miễn, giảm:

- Theo Chính sách của Nhà nước cho thuê đất và Chính sách ưu đãi đầu tư.

15.1.2 Số tiền thuê đất được miễn: 20.610.097.045đ

- Theo quy định Điểm k, Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP: 10.846.379.672đ

- Theo quy định Điểm C, Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP: 9.763.717.373đ, trong đó: (tiền thuê đất trả hàng năm 8.204.879.770đ; tiền thuê đất trả 01 lần 1.558.837.603đ)

15.2 Giảm tiền thuê đất: /

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng): 6.091.717.061 đồng

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: /

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: 6.091.717.061 đồng

17. Tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, hỗ trợ:

- căn cứ theo văn bản số 105/STC-GCS ngày 11/01/2016 của Sở Tài Chính, tiền bồi thường được khấu trừ vào tiền thuê đất: 27.371016.000đ. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP. Quy đổi ra số năm, tháng hoàn thành nghĩa vụ tài chính là 35, 3 năm tính từ ngày 20/3/2026 đến 20/6/2061.

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ đã được trừ vào tiền thuê đất phải nộp 01 lần: 2.261.465.072đ, theo Thông báo số 350/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 06/5/2016

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, tiền thuê đất còn phải nộp: không đồng

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần, tiền thuê đất còn phải nộp: **3.830.251.989đ** ( Ba tỷ tám trăm ba mươi triệu, hai trăm năm mươi một nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng)

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai. TK . 71111054274

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiểu mục 3601

**19 Thời hạn nộp tiền:** Số tiền thuê đất phải nộp 1 lần cho cả thời gian thuê :3.830.251.989đ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo tiền thuê đất, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo Thông báo, trong thời hạn 60 ngày tiếp theo người thuê đất phải nộp đủ số tiền thuê đất còn lại theo Thông báo.

19.1 :/

19.2 :Kỳ 1: Số tiền: /

19.3 : Kỳ 2: Số tiền: /

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

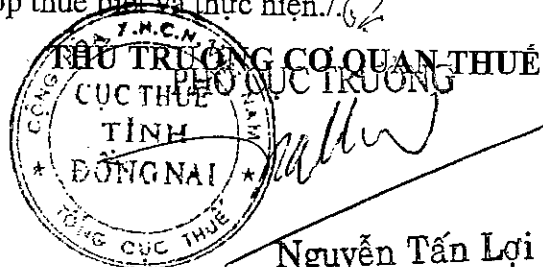
Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./

**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm 2017

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tấn Lợi

**II/ PHẦN XỬ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT (cơ quan thu tiền thực hiện):**

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng): .....

(Bằng chữ:.....)

Ngày tháng năm 2017

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**

Số: **589**/TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày **26** tháng **5** năm 2017

## Thông báo nộp tiền thuê đất

(Điều chỉnh Thông báo số 962/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 26/11/2015)

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 400/PC-VPĐK ngày 04/3/2017 và Phiếu chuyển số 639/PC.VPĐK ngày 07/4/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai V/v chuyển hình thức nộp tiền thuê đất của Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Công ty cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa.**

Mã số thuế: 3600283394

Địa chỉ gửi thông báo: Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: **Tờ bản đồ số:** tại **xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.**

4. Loại đường/ khu vực:

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: **Đất Khu Công Nghiệp .**

7. Nguồn gốc đất : Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho Cty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa thuê đất, Quyết định 4094/QĐ-CT ngày 02/12/2016 và Quyết định 95/QĐ-CT ngày 09/01/2017 V/v cho Công ty điều chỉnh hình thức thuê đất.

8. Thời hạn thuê (năm): Đến ngày 04/9/2062

9. Diện tích thuê : **443.599m<sup>2</sup>** .

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: **443.599m<sup>2</sup>**.

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất: 0

10. Hình thức thuê đất :

10.1 Trả tiền thuê đất hàng năm: 201916m<sup>2</sup> – 200.097,9m<sup>2</sup> – 173.487,9m<sup>2</sup>

10.2 Trả tiền thuê đất 01 lần: 87.622m<sup>2</sup>, 1.818,1m<sup>2</sup> = 26.610m<sup>2</sup> = **116.050,1m<sup>2</sup>** - *Ký: 28.428,7*

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 1.800đ

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần: 154.286đ/m<sup>2</sup> - 201.300đ/m<sup>2</sup> – 200.933đ/m<sup>2</sup>

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp: **20.194.749.707đ**

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất: 312.278.220đ

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp trả tiền hàng năm: **963.091.155đ**

- Đất kinh doanh: Tính từ 18/5/2016 đến 31/12/2017: 524.017.305đ

- Đất hạ tầng KCN: Tính từ 18/5/2016 đến 31/12/2017: 439.073.850đ

13.3 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê: **19.231.658.552đ**

14. Tiền bồi thường, hỗ trợ được khấu trừ: **26.483.031.372đ** (Theo VB của Sở Tài chính)

- Số tiền khấu trừ vào tiền thuê đất trả tiền 01 lần: 12.778.073.402đ.

- Số tiền khấu trừ xác định hoàn thành nghĩa vụ tài chính: 11.892.595.545đ

15. Miễn, giảm tiền thuê đất:

- Theo Chính sách ưu đãi đầu tư.

15.1 Số tiền thuê đất được miễn: **4.195.779.157đ**

- Miễn tiền thuê đất trả hàng năm: 524.017.305đ

-Miễn tiền thuê đất trả 01 lần: 3.671.761.852đ

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng): 3.220.897.148đồng

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 439.073.850đ

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: 2.781.823.298đồng

17. Tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, hỗ trợ:

- căn cứ theo văn bản của Sở Tài Chính, tiền bồi thường được khấu trừ vào tiền thuê đất: 26.483.031.372đ.

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP . Quy đổi ra số năm, tháng hoàn thành nghĩa vụ tài chính là 38,năm 01 tháng, tính từ ngày 26/7/2024 đến 04/9/2062. Số tiền khấu trừ: 11.892.595.545đ

Số tiền bồi thường, hỗ trợ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp 01 lần: 12.778.073.402đ. Số tiền bồi thường, hỗ trợ còn lại chưa được khấu trừ: **1.812.362.425đ.**

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, tiền thuê đất còn phải nộp: 439.073.850đ( Bốn trăm ba mươi chín triệu, không trăm bảy mươi ba ngàn, tám trăm năm mươi đồng)

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần, tiền thuê đất còn phải nộp: 2.781.823.298đ ( Hai tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, tám trăm hai mươi ba ngàn, hai trăm tám mươi chín đồng)

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai. TK . 71111054274

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiêu mục 3601

### 19 Thời hạn nộp tiền:

-Số tiền thuê đất phải nộp 1 lần cho cả thời gian thuê : 2.781.823.298đ. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo tiền thuê đất, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo Thông báo, trong thời hạn 60 ngày tiếp theo người thuê đất phải nộp đủ số tiền thuê đất còn lại theo Thông báo.


19.1 : Số tiền thuê đất phải nộp, trả tiền thuê đất hàng năm: 439.073.850đ người thuê đất phải nộp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo tiền thuê đất.

19.2 :Kỳ 1: Số tiền: /

19.3 : Kỳ 2: Số tiền: /

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện. 

### NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO

Ngày tháng năm 2017  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Tấn Lợi

### II/ PHẢN XỬ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT (cơ quan thu tiền thực hiện):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng): .....

(Bằng chữ:.....)

Ngày tháng năm 2017

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**



Số: **593** /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày **26** tháng **5** năm 2017

## Thông báo nộp tiền thuê đất

(Điều chỉnh Thông báo số 1081/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 02/12/2016)

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 639/PC.VPĐK ngày 07/4/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai V/v chuyển hình thức nộp tiền thuê đất của Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Công ty cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa.**

Mã số thuế: 3600283394

Địa chỉ gửi thông báo: Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: **Tờ bản đồ số:** tại **xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.**

4. Loại đường/ khu vực:

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: **Đất Khu Công Nghiệp .**

7. Nguồn gốc đất : Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho Cty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa thuê đất Quyết định 4094/QĐ-CT ngày 02/12/2016 và Quyết định 95/QĐ-CT ngày 09/01/2017 V/v cho Công ty điều chỉnh hình thức thuê đất.

8. Thời hạn thuê (năm): **Đến ngày 04/9/2062**

9. Diện tích thuê : **574.180,80 m<sup>2</sup> .**

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: **574.180,80 m<sup>2</sup>.**

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất: /

10. Hình thức thuê đất :

10.1 Trả tiền thuê đất hàng năm:  $445.532,4 \text{ m}^2 - 412.549,7 \text{ m}^2 - 394.193,7 \text{ m}^2$

10.2 Trả tiền thuê đất 01 lần: chuyển lần 1:  $32.982,7 \text{ m}^2$ , chuyển lần 2:  $18.356 \text{ m}^2 = 51.338,7 \text{ m}^2$

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 1.687,5đ

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê: 201.300đ – 200.933đ

12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất: /

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp: **28.060.507.066đ**

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất: /

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp trả tiền hàng năm: **17.732.763.408đ**

- Đất kinh doanh: Tính từ 17/4/2015 đến 17/4/2026: 7.456.972.458đ

- Đất hạ tầng KCN: Tính từ 17/4/2015 đến 04/9/2062: 10.275.790.950đ

13.3 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê: **10.327.743.658đ**

14. Tiền bồi thường, hỗ trợ được khấu trừ: 60.458.787.140đ (Theo VB số 5017/STC-GCS)

- khấu trừ vào tiền thuê đất trả tiền 01 lần: 8.207.341.972đ.

15. Miễn, giảm tiền thuê đất:

15.1 Miễn tiền thuê đất: **19.853.165.094đ**

15.1.1 Lý do miễn, giảm:

- Theo Chính sách của Nhà nước cho thuê đất.

-Theo Chính sách ưu đãi đầu tư.

15.1.2 Thời gian miễn: /

15.1.3 Số tiền thuê đất được miễn: 19.853.165.094đ

- Theo quy định Điểm k, Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP: 10.275.790.950đ

-Theo quy định Điểm C, Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP: 9.577.374.144đ, trong đó: (tiền thuê đất trả hàng năm 7.456.972.458đ; tiền thuê đất trả 01 lần 2.120.401.686đ)

15.2 Giảm tiền thuê đất: /

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng): Không đồng

16.1 Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm: /

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: /

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: /

16.2 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: không đồng

16.2.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: /

17. Tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, hỗ trợ:

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp 01 lần: **8.207.341.972đ**, theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP.

Số tiền bồi thường, hỗ trợ được quy đổi ra số năm, tháng hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất từ ngày 18/4/2026 đến ngày 04/9/2062 là 36 năm 4 tháng, số tiền: **24.169.001.231đ**, theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP. Số tiền bồi thường, hỗ trợ chưa được khấu trừ vào tiền thuê đất: 28.082.443.937đ

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: /

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: /

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai. TK. 71111054274

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiểu mục 3601

**19 Thời hạn nộp tiền:**

19.1 : /

19.2 :Kỳ 1: Số tiền: /

19.3 : Kỳ 2: Số tiền: /

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./.

**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm 2017

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Tấn Lợi

**II/ PHẦN XỬ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT (cơ quan thu tiền thực hiện):**

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng): .....

(Bằng chữ:.....)

Ngày tháng năm 2017

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**

Số: ~~687~~ /TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày 26 tháng 5 năm 2017

## Thông báo nộp tiền thuê đất

(Điều chỉnh Thông báo số 978/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 01/12/2015)

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 399/PC-VPĐK ngày 04/3/2017 và phiếu chuyển 639/PC.VPĐK ngày 07/4/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai V/v chuyển hình thức nộp tiền thuê đất Hợp đồng số 04/HĐTD ngày 07/02/2017 của Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Công ty cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa.**

Mã số thuế: 3600283394

Địa chỉ gọi thông báo: Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: **Tờ bản đồ số:** tại xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/ khu vực:

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất Khu Công Nghiệp .

7. Nguồn gốc đất : Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho Cty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa thuê đất, Quyết định số 4094/QĐ-UBND ngày 02/12/2016; Quyết định 95/QĐ-CT ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v cho Công ty điều chỉnh hình thức thuê đất.

8. Thời hạn thuê (năm): Đến ngày 04/9/2062

9. Diện tích thuê : **89.266,3 m<sup>2</sup>** .

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất : **63.767,9 m<sup>2</sup>** .

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất: 25.498,4m<sup>2</sup>

10. Hình thức thuê đất :

10.1 Trả tiền thuê đất hàng năm: 63.767,9 m<sup>2</sup> - 59.969,4m<sup>2</sup> và 46.480,3m<sup>2</sup>

10.2 Trả tiền thuê đất 01 lần: 3.798,5m<sup>2</sup> - 13.489,1m<sup>2</sup> = 17.288,6

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 2.250đ/m<sup>2</sup>/năm

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê: 200.933đ/m<sup>2</sup> – 201.300đ/m<sup>2</sup>.

12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất: /

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp: **3.662.607.205đ**

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất: /

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp trả tiền hàng năm: **187.563.825đ**

- Đất kinh doanh KCN: Tính từ 18/5/2016 đến 31/12/2017: 187.563.825đ

13.3 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê: **3.475.043.380đ**

14. Tiền bồi thường, hỗ trợ được khấu trừ: 5.284.764.713đ (Theo văn bản của Sở Tài chính)

- khấu trừ vào tiền thuê đất trả tiền 01 lần: 1.432.709.850đ.

15. Miễn, giảm tiền thuê đất:

15.1 Miễn tiền thuê đất: **2.323.297.713đ**

15.1.1 Lý do miễn, giảm:

-Miễn Chính sách ưu đãi đầu tư, theo quy định tại Điểm C, Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

15.1.2 Thời gian miễn: /.

15.1.3 Số tiền thuê đất được miễn: **2.323.297.713đ**, trong đó:

- Miễn tiền thuê đất trả hàng năm: 1.649.994.413đ.

- Miễn tiền thuê đất trả hàng năm: 673.303.300đ.

15.2 Giảm tiền thuê đất: /

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng): 1.369.030.230đồng

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: không đồng

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: 1.369.030.230đồng

17. Tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, hỗ trợ:

\* Tiền bồi thường, hỗ trợ được khấu trừ: 5.284.764.713đ.

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ: 3.852.054.863đ được quy đổi ra số năm, tháng hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất 36 năm 10 tháng, tính từ ngày 28/10/2025 đến ngày 04/9/2062. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP.

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp 01 lần: **1.432.709.850đ**,

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 0 đồng

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: 1.369.030.230đ ( Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu, không trăm ba mươi ngàn, hai trăm ba mươi đồng)

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai. TK. 71111054274

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiêu mục 3601

### **19 Thời hạn nộp tiền:**

19.1 : Số tiền thuê đất phải nộp 1 lần cho cả thời gian thuê : **1.369.030.230đ** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Thông báo tiền thuê đất, người thuê đất phải nộp 50% tiền thuê đất theo Thông báo, trong thời hạn 60 ngày tiếp theo người thuê đất phải nộp đủ số tiền thuê đất còn lại theo Thông báo.

19.2 :Kỳ 1: Số tiền: /

19.3 : Kỳ 2: Số tiền: /

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./

### **NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm 2017

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

### **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**



Nguyễn Tấn Lợi

### **II/ PHẦN XỬ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT (cơ quan thu tiền thực hiện):**

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng): .....

(Bằng chữ:.....)

Ngày tháng năm 2017

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**

Số: **591**/TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày **26** tháng **5** năm 2017

## Thông báo nộp tiền thuê đất

(Điều chỉnh Thông báo số 05/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 06/01/2017)

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đất đai số 639/PC.VPĐK ngày 07/4/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai Đồng Nai V/v chuyển hình thức nộp tiền thuê đất Hợp đồng số 101/HĐTĐ ngày 11/11/2016 của Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa. Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Công ty cổ phần - Tổng Công ty Tín Nghĩa.**

Mã số thuế: 3600283394

Địa chỉ gửi thông báo: Số 96, Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: **Tờ bản đồ số:** tại xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/ khu vực:

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất Khu Công Nghiệp .

7. Nguồn gốc đất : Quyết định số 3403/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc cho Cty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa thuê đất, Quyết định 95/QĐ-CT ngày 09/01/2017 V/v cho Công ty điều chỉnh hình thức thuê đất.

8. Thời hạn thuê (năm): Đến ngày 04/9/2062

9. Diện tích thuê : **77.321,2 m<sup>2</sup>** .

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: : **77.321,2 m<sup>2</sup>** .

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất: /

10. Hình thức thuê đất :

10.1 Trả tiền thuê đất hàng năm: 54.690,7 m<sup>2</sup> – 46.062,9m<sup>2</sup>

10.2 Trả tiền thuê đất 01 lần: 8.627,8m<sup>2</sup>.

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 1.687,5đ

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê: 200.933đ/m<sup>2</sup>

12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất: /

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp: **1.882.149.731đ**

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất: /

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp trả tiền hàng năm: **148.539.994đ**

- Đất kinh doanh: Tính từ 28/9/2016 đến 31/12/2017: 100.803.783đ

- Đất hạ tầng KCN: Tính từ 28/9/2016 đến 31/12/2017: 47.736.211đ

13.3 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê: **1.733.609.737đ**

14. Tiền bồi thường, hỗ trợ được khấu trừ: 10.466.893.006đ (Theo VB số 5592/STC-GCS)

- khấu trừ vào tiền thuê đất trả tiền 01 lần: 1.325.515.474đ.

15. Miễn, giảm tiền thuê đất:

15.1 Miễn tiền thuê đất: **3.176.800.530đ**

—15-1.1 Lý do miễn, giảm:

- Theo Chính sách của Nhà nước cho thuê đất.

-Theo Chính sách ưu đãi đầu tư.

15.1.2 Thời gian miễn: /.

15.1.3 Số tiền thuê đất được miễn: **3.176.800.530đ**

- Theo quy định Điểm k, Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP: 1.753.510.148đ

-Theo quy định Điểm C, Khoản 3, Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP: 1.423.290.382đ, trong đó: (tiền thuê đất trả hàng năm 1.015196.119đ; tiền thuê đất trả 01 lần 408.094.263đ)

15.2 Giảm tiền thuê đất: /

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng): Không đồng

16.1 Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm: /

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: không đồng

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: không đồng/

17. Tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, hỗ trợ:

- Số tiền bồi thường, hỗ trợ được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp 01 lần: **1.325.515.474đ**, theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP.

Số tiền bồi thường, hỗ trợ được quy đổi ra số năm, tháng hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất tính từ ngày 28/9/2027 đến ngày 04/9/2062 là 34 năm 11 tháng, số tiền: **2.714.112.436đ**, theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP. Số tiền bồi thường, hỗ trợ chưa được khấu trừ vào tiền thuê đất: 6.427.265.096đ

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 0 đồng

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: 0 đồng

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai. TK . 71111054274

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiểu mục 3601

**19 Thời hạn nộp tiền:**

19.1 : /

19.2 :Kỳ 1: Số tiền: /

19.3 : Kỳ 2: Số tiền: /

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

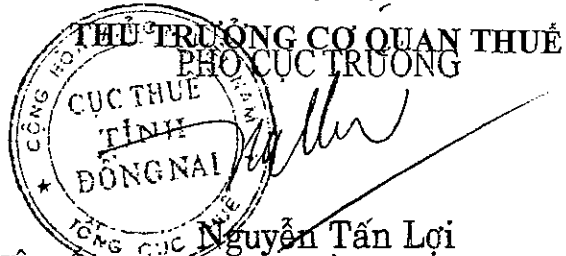
Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện. /

**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm 2017

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tấn Lợi

**II/ PHẦN XỬ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT (cơ quan thu tiền thực hiện):**

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng): .....

(Bằng chữ:.....)

Ngày tháng năm 2017

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**

Số: 185/TB.CT.QLCKTTĐ

Đồng nai, ngày 16 tháng 2 năm 2017

## THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT

### I/ PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ vào hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 2046/PC-VPĐK ngày 12/11/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai và văn bản đề nghị miễn tiền thuê đất ngày 18/11/2016 của Trường Mầm non Tư thục Thảo Hoa, Cục thuế thông báo nộp tiền thuê đất như sau:

1. Tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê : **Trường Mầm non Tư thục Thảo Hoa**

Mã số thuế: 3603417021

Địa chỉ gửi thông báo: Khu dân cư An Bình, KP 12, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại:

Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế

3. Thửa đất số: 370 Tờ bản đồ số: 10 tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đường/ khu vực: .

5. Vị trí (1,2,3,4...):

6. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất cơ sở giáo dục - đào tạo.

7. Nguồn gốc đất : theo Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao đất cho Trường Mầm non Tư thục Thảo Hoa để đầu tư xây dựng trường Trường Mầm Non tại phường An Bình, phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

8. Thời hạn thuê (năm): 50 năm tính từ ngày 20/9/2016.

9. Diện tích thuê: **1.500 m<sup>2</sup>** theo Hợp đồng thuê đất số 98/HĐTD ngày 04/11/2016 tại phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

9.1 Diện tích phải nộp tiền thuê đất: **1.500 m<sup>2</sup>**.

9.2 Diện tích không phải nộp tiền thuê đất:

10. Hình thức thuê đất: trả tiền hằng năm

11. Giá đất tính tiền thuê đất tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất:

11.1 Giá đất tính tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: 19.200 đ/m<sup>2</sup>/năm;

11.2 Giá đất tính tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê:

12/ Mức tỷ lệ (%) giá đất tính thu tiền thuê đất:

13/ Tổng số tiền thuê đất phải nộp từ ngày 20/9/2016 đến 31/12/2017 là: **36.000.000 đ.**

13.1 Số tiền phải nộp một năm tại thời điểm phải nộp tiền thuê đất: 28.800.000 đ.

13.2 Số tiền thuê đất phải nộp một lần cho cả thời gian thuê:

14. Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng: theo văn bản số: 455/UBND-KT ngày 16/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai là: 2.044.864.306 đồng

15. Miễn, giảm tiền thuê đất:

15.1 Miễn tiền thuê đất:

15.1.1 Lý do miễn, giảm: Theo Khoản 7, Điều 19, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; theo Khoản 1, Điều 3 Chương II Quy định về chế độ miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban

hành kèm theo Quyết định số 61/2013/QĐ-UBND ngày 30/9/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai; và theo Điểm 2 Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ.

15.1.2 Thời gian miễn: từ ngày 20/9/2016 đến ngày 20/9/2034.

15.1.3 Số tiền miễn : **518.400.000 đồng.**

15.2 Giảm tiền thuê đất

16. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng): **0đ**

16.1 Số tiền còn phải nộp trong trường hợp không được miễn, giảm

16.1.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

16.1.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

16.2 Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp được giảm một phần tiền thuê đất

16.2.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

16.2.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

(Viết bằng chữ: **Không đồng**)

17. Số tiền thuê đất còn phải nộp trong trường hợp tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng:

17.1 Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: Số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được qui đổi theo số năm hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 13, điểm C khoản 1 Điều 23 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là 32 năm từ ngày 21/9/2034 đến 20/9/2066 với số tiền là 921.600.000 đồng. Số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa được khấu trừ vào tiền thuê đất là 1.123.264.306 đồng được tính vào vốn đầu tư của dự án.

17.2 Trường hợp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê:

18. Địa điểm nộp: Kho bạc nhà nước thành phố Biên Hoà. TK. 71111054280

Nộp theo chương ..... loại ..... khoản..... mục..... Tiêu mục 3601

19. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ký thông báo.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người thuê đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo mức quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Cục thuế tỉnh Đồng Nai (Phòng Quản lý các khoản thu từ đất) theo số điện thoại **0613.843004**; địa chỉ: Cục thuế tỉnh Đồng Nai số 87 CMT8 Phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Cục thuế tỉnh Đồng Nai thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện./

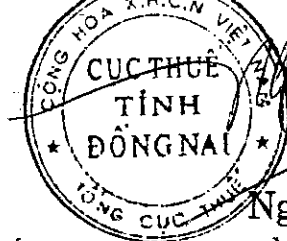
**NGƯỜI THUÊ ĐẤT NHẬN THÔNG BÁO**

Ngày tháng năm 2017

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**

**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Tấn Lợi**

**I/ PHẦN XỬ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ ĐẤT (cơ quan thu tiền thực hiện):**

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng): .....

(Bằng chữ:.....)

Ngày tháng năm 2017

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN**